

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ THAM GIA HỢP ĐỒNG TIÊU THỤ LÚA GIỮA NÔNG DÂN VÀ DOANH NGHIỆP TẠI HUYỆN VINH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

ANALYSIS OF THE FACTORS AFFECTING THE PARTICIPATION IN RICE CONSUMPTION CONTRACT BETWEEN FARMERS AND BUSINESSES IN VINH THANH DISTRICT, CAN THO CITY

Trần Thanh Dũng

Trường Đại học Cần Thơ; thanhdung@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Nghiên cứu này sử dụng cách chọn thuận tiện 60 quan sát mẫu và phỏng vấn KIP gồm 3 cán bộ nông nghiệp và 2 doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu; Tác giả sử dụng các phương pháp phân tích như thống kê mô tả, kiểm định T-test và mô hình hồi quy Binary Logistic để làm rõ vấn đề. Kết quả bài báo cho thấy các hộ tham gia hợp đồng có ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhiều hơn và mang lại hiệu quả tài chính cao hơn những hộ không tham gia hợp đồng. Bài báo đã nêu được các vấn đề hiện nay trong hợp đồng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng của nông dân là có tham gia các tổ chức về sản xuất lúa ở địa phương, kinh nghiệm và diện tích sản xuất lúa. Qua đó, tác giả đề xuất một số giải pháp về sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và sự thực thi hợp đồng tiêu thụ lúa giữa nông dân và doanh nghiệp.

Từ khóa - iệu quả; hợp đồng; sản xuất; thực thi; tiêu thụ.

Abstract - This research uses a convenient pick of 60 sample observations and interviews a group including 3 agricultural officials and 2 businesses on the research site. The author uses the analysis methods such as descriptive statistics, T-test and calibration models Binary Logistic to clarify the problem. The results show that the households subject to the contract apply technical progress more and get higher financial efficiency than households who do not participate in the contract. The article states the problems in the consumption of plain rice now and at the same time it also identifies the factors that affect the contract participation such as the participation of organizations of local rice production, the experience and the land area of rice production. Based on this, the article proposes some measures of the support of local authorities, the enforcement of rice consumption contracts between farmers and enterprises.

Key words - efficiency; contract; production; enforcement; consumption

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh của tự do hóa thị trường, toàn cầu hóa và mở rộng kinh doanh nông nghiệp, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, một thực tế rằng những người nông dân có qui mô nhỏ thường rất khó khăn để tham gia một cách trọn vẹn vào nền kinh tế thị trường và những người nông dân có qui mô sản xuất nhỏ bị “bỏ rơi” trong các nền kinh tế có ngành sản xuất nông nghiệp đang sinh lợi cao (Jagdish and Prakash Kumar., 2008). Cùng với sự phát triển nông nghiệp giá trị cao, sự phát triển của hệ thống siêu thị, thực phẩm chế biến và nền nông nghiệp định hướng xuất khẩu đã cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của việc sản xuất nông nghiệp theo hợp đồng (Miyata và cộng sự, 2009).

Hiện nay lúa gạo nước ta đã có mặt trên 80 quốc gia, đang đứng vị trí thứ 3 trên thế giới sau Ấn Độ và Thái Lan. Trong đó Đồng bằng sông Cửu Long chiếm đến 90%, thế nhưng hàng triệu tấn gạo xuất khẩu hàng năm chủ yếu dựa trên sự thu gom từ hơn một triệu nông hộ sản xuất lúa nhỏ lẻ làm ra thông qua đội ngũ thương lái tỏa đi khắp các vùng nông thôn ở ĐBSCL (Trần Quốc Nhân và Đỗ Văn Hoàng, 2013). Tổ chức sản xuất tiêu thụ theo hợp đồng được xem là giải pháp thích hợp giải quyết các vấn đề trên mà Chính phủ đang rất quan tâm và khuyến khích. Hình thức hợp đồng sẽ loại bỏ vai trò của các tầng lớp mua bán và làm dịch vụ trung gian như người thu gom, cho vay lãi, cò mồi, trực tiếp bảo vệ người sản xuất, nhất là người nghèo khi bán sản phẩm. Hợp đồng sản xuất nông nghiệp cũng cho phép xóa bỏ độc quyền dẫn đến hiện tượng chèn ép giá và bóc lột lợi nhuận của người nông dân của các cơ sở chế biến và lưu thông, khiến họ

trực tiếp quan tâm đến khả năng giảm giá thành, tăng chất lượng của nông dân, bởi vậy hình thành cơ chế chia sẻ lợi nhuận, tạo ra khả năng tăng thu nhập và tái sản xuất mở rộng của nông dân (Đặng Kim Sơn, 2001).

Trong thời gian qua, đã có nhiều tỉnh, thành ở ĐBSCL nỗ lực thực hiện mô hình sản xuất và tiêu thụ lúa gạo qua hợp đồng và bước đầu đạt được một số kết quả nhất định. Vĩnh Thanh là một trong những vùng trồng lúa trọng điểm của TP Cần Thơ và hội đủ những điều kiện để hình thành vùng nguyên liệu lúa hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Nhưng diện tích trồng lúa có tham gia hợp đồng ở huyện Vĩnh Thanh còn quá ít, chưa tương xứng với thực tế sản xuất của vùng, cho nên cần có những nghiên cứu để nhận ra những yếu tố thúc đẩy sự tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa một cách có hiệu quả. Vì vậy bài báo “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa giữa nông dân và doanh nghiệp tại huyện Vĩnh Thanh, thành phố Cần Thơ” được thực hiện nhằm đề xuất những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả sự tham gia sản xuất lúa theo hợp đồng, gián tiếp nâng cấp chuỗi giá trị lúa gạo; bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn là cơ sở cho các nhà hoạch định chính sách về việc sản xuất và tiêu thụ lúa gạo trong vùng.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp của bài báo được lấy từ các bản báo cáo tổng hợp của phòng Nông nghiệp huyện Vĩnh Thanh, niên

giám thống kê và một số thông tin tham khảo được lấy từ các bài báo, tạp chí, internet có uy tín.

Tác giả đã tiến hành khảo sát 60 hộ nông dân sản xuất lúa tại huyện Vĩnh Thanh bằng bảng câu hỏi bán cấu trúc (bao gồm 30 nông dân tham gia hợp đồng và 30 nông dân không tham gia hợp đồng). Bên cạnh đó, tác giả còn phỏng vấn KIP 3 chuyên gia và 2 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn nghiên cứu.

2.1.2. Phương pháp phân tích số liệu

Tác giả sử dụng các phương pháp phân tích như thống kê mô tả, kiểm định T-test và mô hình hồi quy Binary Logistic.

2.2. Phương tiện nghiên cứu

Số liệu được nhập, mã hóa và phân tích bằng phần mềm Excel và SPSS.

2.3. Nội dung nghiên cứu

Hiện trạng sản xuất lúa trong địa bàn nghiên cứu: những thông tin về nông hộ, tình hình sản xuất, hiệu quả tài chính.

Nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa của nông dân và doanh nghiệp.

Các giải pháp: tìm hiểu những vấn đề trong hợp đồng, những tích cực và tồn tại, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hợp đồng.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Hiện trạng sản xuất lúa trên địa bàn nghiên cứu

3.1.1. Thông tin nông hộ

Nông dân dân trong vùng nghiên cứu có đủ kinh nghiệm để canh tác. Tuy nhiên trình độ học vấn lại chưa cao, điều này cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật của nông dân. Đây là vùng sản xuất lúa trọng điểm của thành phố Cần Thơ nên nông dân trong vùng sở hữu diện tích đất nhiều, nhưng lại có sự chênh lệch rất lớn giữa trong hợp đồng và ngoài hợp đồng. Điều này cho thấy diện tích lớn cũng ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa.

Bảng 1. Thông tin nông hộ

Thông tin	Trong hợp đồng	Ngoài hợp đồng	Mức ý nghĩa
Trung bình tuổi của chủ hộ (tuổi)	47,20	46,66	0,84
Kinh nghiệm trung bình của chủ hộ (năm)	26,73	22,60	0,11
Học vấn trung bình của chủ hộ (cấp)	2,50	2,23	0,12
Diện tích đất lúa (ha/hộ)	2,93	1,96	0,00
Số nhân khẩu (người/hộ)	4,86	5,20	0,48
Lao động tham gia sản xuất lúa (người/hộ)	1,96	2,03	0,80
Lao động phi nông nghiệp (người/hộ)	1,60	1,06	0,21
Số lần tập huấn kỹ thuật (lần/năm)	4,50	4,60	0,85

Trong sản xuất lúa, lực lượng lao động là yếu quan trọng. Lao động trong vùng tham gia sản xuất lúa tương đối ít, chủ yếu là lao động cao tuổi. Do nông dân ở đây được tập huấn nhiều nên vận dụng được kỹ thuật canh tác mới, cơ giới hóa được áp dụng rộng rãi nên không cần nhiều lao động. Bên cạnh đó, tính chất làm ruộng chỉ lao động theo thời vụ nên lao động trẻ có xu hướng dịch chuyển lao động ra các thành phố lớn.

Tất cả những thông tin nông hộ không có sự khác biệt nhau giữa nhóm hộ có và không tham gia hợp đồng. Ngoại trừ diện tích đất lúa thì nông hộ có tham gia hợp đồng sở hữu nhiều ruộng hơn và sự khác biệt này thông qua kiểm định T-test bằng phép thử Duncan ở mức ý nghĩa 5%. Sự khác biệt này cũng phần nào thể hiện điều kiện tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa phải có diện tích đủ lớn nhất định.

3.1.2. Tình hình sản xuất

a. Nguồn cung cấp vật tư đầu vào

Nông dân trên địa bàn nghiên cứu chủ yếu mua vật tư nông nghiệp (VTNN) qua cửa hàng đại lý bán VTNN. Việc nông hộ mua vật tư đầu vào tại các cửa hàng VTNN cao bởi vì nông dân đã mua các vật tư ở các cửa hàng này từ rất lâu, là thói quen tình cảm của nông dân, nông dân có thể mua vật tư đến khi thu hoạch cuối vụ thì thanh toán, điều này rất thuận tiện cho nông hộ khi mà đa số nông dân còn gặp khó khăn về vốn sản xuất.

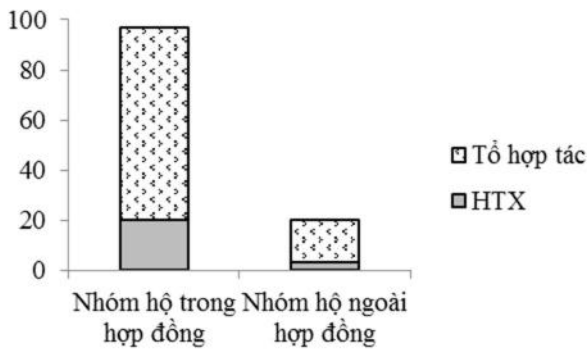
Bảng 2. Nguồn cung cấp đầu vào

Nơi mua	Trong hợp đồng		Ngoài hợp đồng	
	Giống	Thuốc BVTV	Giống	Thuốc BVTV
Cửa hàng VTNN	46,67	83,33	100,00	83,33
Công ty thuốc BVTV	0,00	13,33	0,00	16,67
Công ty hợp đồng mua lúa	53,33	3,33	0,00	0,00

Nông hộ trong hợp đồng phần lớn còn mua vật tư do công ty hợp đồng bao tiêu cung cấp, đây cũng là phương thức giúp doanh nghiệp thu mua và nông dân gắn bó nhau hơn, nhưng một số trường hợp nông dân vẫn còn e ngại về giá vật tư và sự cung cấp không kịp thời từ bên công ty hợp đồng tiêu thụ. Số rất ít mua ở tại công ty thuốc BVTV, điều này cho thấy trong chuỗi cung ứng nông dân trong vùng chưa thật sự vận dụng có hiệu quả.

b. Sự tham gia vào tổ chức sản xuất

Kết quả khảo sát cho thấy có 57,38% số hộ trong nghiên cứu tham gia vào tổ chức sản xuất lúa, có đến 40,98% số hộ không tham gia vào tổ chức sản xuất lúa. Trong đó, hầu hết nhóm hộ trong hợp đồng lại tham gia vào tổ chức sản xuất (gần 97%), đặc biệt là tham gia vào tổ hợp tác. Qua đó, chúng ta khai thác được kênh giúp nông hộ tham gia nhiều vào hợp đồng là Tổ hợp tác, từ đó giúp lãnh đạo địa phương có kế hoạch, phương hướng khai thác kênh Tổ hợp tác góp phần nâng cao khả năng tham gia của người dân vào hợp đồng tiêu thụ lúa.



Hình 1. Biểu đồ tham gia vào tổ chức sản xuất

Hiện nay chính phủ cũng rất quan tâm đến vấn đề sản xuất và tiêu thụ nông sản theo hướng kinh tế hợp tác thông qua Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ. Tuy nhiên nhóm nông hộ ngoài hợp đồng không tham gia vào tổ chức chưa nhiều do họ chưa thực sự tin tưởng vào lối làm ăn tập thể bị ảnh hưởng của hoạt động Hợp tác xã kiểu cũ. Vì thế chính quyền địa phương cần quan tâm hơn nữa, tuyên truyền thông tin về hình thức kinh tế tập thể kiểu mới, trình diễn mô hình hợp tác hiệu quả nhằm thu hút sự chú ý và tham gia của đông đảo nông dân theo hướng sản xuất tập thể kiểu mới này.

c. Hiệu quả tài chính

Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả sản xuất lúa vụ Đông Xuân của nông hộ có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa hai nhóm hộ trong và ngoài hợp đồng do sự khác biệt về năng suất và giá bán.

Nghiên cứu chỉ rõ nhóm hộ trong hợp đồng có năng suất cao hơn. Như đã phân tích phần trên, những hộ trong hợp đồng đa số tham gia các tổ chức sản xuất ở địa phương cho nên có sự trao đổi kinh nghiệm, hoặc được tập huấn các tiến bộ kỹ thuật mới áp dụng vào sản xuất. Bên cạnh là do những hộ trong hợp đồng đa phần sử dụng giống do công ty cấp, đây là giống có xác nhận ít bệnh, cho sinh trưởng tốt và cho năng suất cao.

Bảng 3. Hiệu quả tài chính của nông hộ

Chỉ tiêu	Trong hợp đồng	Ngoài hợp đồng	Mức ý nghĩa
Chi phí tiền mặt (1000đ/ha)	19.902,13	20.238,00	0,64
Chi phí cơ hội (1000đ/ha)	12.229,84	12.392,08	0,44
Tổng chi phí (1000đ/ha)	32.132,96	32.630,10	0,52
Năng suất (tấn/ha)	7,72	7,33	0,03
Giá bán (1000đ/kg)	4,95	4,74	0,02
Doanh thu (1000đ/ha)	38.274,73	34.827,21	0,01
Lợi nhuận (1000đ/ha)	6.143,76	2.198,63	0,01
Hiệu quả đồng vốn (lần)	0,20	0,08	0,02
Hiệu quả lao động (1.000đ/ngày công)	1.223,35	984,68	0,00

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng giá bán của nhóm hộ trong hợp đồng cao hơn nhóm hộ ngoài hợp đồng là 210 đồng/kg. Thông thường doanh nghiệp kí kết hợp đồng về giá thu mua theo hình thức giá thị trường cộng với một khoảng tiền trên lệch, doanh nghiệp muốn nông dân có lợi nhuận và an tâm sản xuất. Mặt khác, nông dân trong hợp đồng sử dụng giống của doanh nghiệp để sản xuất nên đáp ứng được yêu cầu sản phẩm của doanh nghiệp cho nên doanh nghiệp mua với giá cao. Bên cạnh đó, dĩ nhiên khi ký hợp đồng thì nông dân bán trực tiếp cho doanh nghiệp, trong khi những nông hộ ngoài hợp đồng đa phần bán cho thương lái, đôi khi qua cò mọt nhiều khâu trung gian.

Tuy nhiên, nhìn chung nông dân lại có lợi nhuận quá thấp. Lợi nhuận phân tích được của nông dân chỉ từ hơn 2 triệu đến hơn 6 triệu đồng cho mỗi ha là không cao do nghiên cứu này tính toán thêm chi phí cơ hội. Nông dân phải chịu thêm chi phí cơ hội bao gồm: công lao động gia đình, lãi suất ngân hàng và tiền thuê đất. Đây là loại chi phí mà đa phần nông dân không nhất đến khi tính chi phí sản xuất, điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn cho nhà quản lý trong quá trình tính toán giá thành sản xuất mà đề xuất giá lúa sản hợp lý cho nông dân có lời. Theo Nghị quyết 63/NQ-CP đảm bảo cho người nông dân có lời 30%. Trong khi kết quả đề tài này chi phí cơ hội lên đến hơn 35% như vậy rõ ràng người trồng lúa chỉ ăn vào mảnh đất, sức lao động và tiền vốn mình bỏ ra chứ không thu lợi nhuận gì từ việc trồng lúa. Khi tính toán chi phí cơ hội vào trong tổng chi phí sản xuất mà nông dân sản xuất lúa vẫn có lợi nhuận là do đề tài này nghiên cứu trên vụ Đông Xuân. Câu hỏi đặt ra là ở Vụ Hè Thu và Thu Đông thì sao? Trong khi ở vụ Hè Thu và Thu Đông thường cho năng suất và giá thấp hơn vụ Đông Xuân. Vì thế cho nên khi tính toán chi phí sản xuất cho nông dân, nhất thiết phải tính thêm chi phí cơ hội vào giá thành sản xuất.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng

3.2.1. Kết quả mô hình hồi quy

Đề tài đã sử dụng các biến về kinh tế, xã hội, kỹ thuật và môi trường để nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia hợp đồng thông qua mô hình hồi quy Binary Logistic với phương pháp loại biến dần đề tài đã tìm ra được ba biến.

Kết quả nghiên cứu cho thấy Giá trị - 2LL = 40,188 đủ nhỏ để đề mô hình tổng thể phù hợp với mức dự đoán đúng của mô hình là 78,30%.

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic

Biến độc lập	B	Sig.	Exp(B)
Tham gia tổ chức sản xuất lúa(có, không)	1,21	0,04	3,34
Kinh nghiệm (năm)	2,90	0,00	18,23
Diện tích sản xuất (ha)	0,08	0,04	1,08
Hằng số	-7,910	0,00	0,00
-2 Log likelihood (-2LL) : 40,19			
Xác suất dự đoán đúng : 78,30%			

Qua kết quả nghiên cứu ta thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hợp đồng tiêu thụ lúa của nông dân trên địa bàn nghiên cứu là sự tham gia vào tổ chức sản

xuất ở địa phương, kinh nghiệm sản xuất lúa và diện tích sản xuất. Các yếu tố này đều tương quan thuận với sự tham gia sản xuất theo hợp đồng của nông dân. Kết quả này một lần nữa lại khuyến khích nông dân tham gia vào các tổ chức sản xuất ở địa phương, trao đổi học hỏi kinh nghiệm và khuyến khích nông dân sản xuất theo hướng tập thể.

3.2.2. Những vấn đề về hợp đồng

Thông qua phỏng vấn KIP gồm 3 cán bộ khuyến nông và 2 doanh nghiệp, bài báo đã phân tích được những ưu điểm, hạn chế cũng như những lý do chưa tham gia hợp đồng của nông hộ.

a. Tích cực

Nông dân tham gia hợp đồng đạt được nhiều mặt khả quan như: đầu ra ổn định với giá lúa cao vì giá được đảm bảo theo giá thị trường cộng thêm phần chênh lệch, nâng cao chất lượng tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, nâng cấp chuỗi giá trị do giảm bớt các tác nhân trong chuỗi đặc biệt là vai trò của thương lái sẽ bị đào thải khi nông dân ký kết hợp đồng với công ty, nông dân được ứng trước vật tư và hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất tạo lợi nhuận cho nông dân.

Tham gia hợp đồng với nông dân, công ty chủ động được vùng nguyên liệu một cách ổn định và bền vững để chế biến cung cấp gạo cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; công ty chủ động được về sản lượng và chất lượng, tạo lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh.

b. Hạn chế

Bên cạnh mặt tích cực, sản xuất theo hợp đồng tại huyện Vĩnh Thạnh còn nhiều vấn đề quan tâm:

Mặc dù đa số hợp đồng là văn bản giấy nhưng cũng số đông nông dân ký trực tiếp với doanh nghiệp mà không có sự chứng kiến của chính quyền địa phương làm giảm tính hiệu lực trong hợp đồng. Thêm vào đó là nội dung văn bản được doanh nghiệp soạn thảo nên rất nhiều nông dân mặc dù biết nhưng chưa rõ các điều khoản trong hợp đồng. Nông dân cũng chưa quen với hình thức ràng buộc kỹ thuật, ghi chép sổ sách.

Bên cạnh đó, tiến độ thu mua lúa của công ty vào thời điểm thu hoạch còn chậm trễ do công ty thiếu phương tiện vận chuyển, thiếu vốn làm hao hụt, thất thoát sản lượng lúa của nông dân. Việc xác định giá thị trường và chất lượng tại thời điểm bán lúa còn nhiều bất đồng, chưa có sự thống nhất từ nông dân và doanh nghiệp. Ngược lại cũng có nông dân không bán cho doanh nghiệp như đã ký kết, không trung thực trong quá trình sản xuất, bảo quản lúa. Đây là những lý do ảnh hưởng đến kết quả thực thi hợp đồng giữa nông dân và doanh nghiệp.

c. Lý do chưa tham gia hợp đồng

Những nông dân chưa tham gia hợp đồng trong nghiên cứu đa số có diện tích đất sản xuất lúa nhỏ điều này ảnh hưởng đến việc hợp đồng của công ty vì ảnh hưởng đến quá trình công ty thu gom của công ty. Công ty thường ký hợp với những nông dân có diện tích sản xuất lúa lớn hay thông qua những tổ hợp tác hoặc Hợp tác xã mà nông dân thường có diện tích nhỏ lẻ lại không tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể.

Nông hộ không nắm bắt kịp thông tin từ phía chính

quyền địa phương và công ty để tham gia cũng như chưa biết gì về loại hợp đồng này.

Một số nông dân thấy được những điểm hạn chế khi tham gia vào hợp đồng tiêu thụ lúa như: sự trễ hẹn của công ty thu mua, quan điểm về chất lượng lúa và giá cả. Tình trạng phá vỡ hợp đồng cũng làm ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào hợp đồng của nông dân chưa từng tham gia vào hợp đồng tiêu thụ lúa tại địa phương.

Người nông dân chưa quen với những hình thức giấy tờ phức tạp, rườm rà.

Về doanh nghiệp: nguồn nhân lực công ty có giới hạn đã làm ảnh hưởng đến quá trình quản lý về số lượng nông dân tham gia hợp đồng như: tìm đối tác (nông dân) để ký hợp đồng, hỗ trợ kỹ thuật, thu mua, sự chia sẻ thông tin... Nguồn vốn công ty giới hạn cũng ảnh hưởng đến số lượng hợp đồng được ký. Mặt khác nông dân không không đáp ứng được các nhu cầu sản xuất của công ty như: chất lượng sản phẩm, kỹ thuật sản xuất,... cũng làm ảnh hưởng đến quyết định ký hợp đồng của công ty đối với nông dân đó.

3.3. Giải pháp nâng cao khả năng tham gia và hiệu quả hợp đồng tiêu thụ lúa

Từ kết quả phân tích trên, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tham gia hợp đồng cũng như hiệu quả khi sản xuất lúa theo hợp đồng.

Chính quyền địa phương đồng thời là cầu nối giữa nông dân và doanh nghiệp, cần thiết sự quan tâm và tham gia vào hợp đồng từ khi ký kết và thực thi cho nông dân tin tưởng và cho tính hiệu lực hợp đồng càng có giá trị cao. Bên cạnh còn thông tin, khuyến khích nông hộ tham gia hình thức tổ chức này. Tổ chức lại các hình sản xuất theo hướng kinh tế tập thể nhất là tổ hợp tác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ký hợp đồng được dễ dàng.

Doanh nghiệp cần tăng cường đầu tư vốn nhằm đảm bảo hợp đồng được thực thi cũng như mở rộng thêm hợp đồng cho những hộ chưa ký kết. Để gắn chặt hơn giữa nông dân và doanh nghiệp, doanh nghiệp cần cung cấp thêm giống, vật tư nông nghiệp với sản phẩm đảm bảo chất lượng mà giá cả hợp lý. Doanh nghiệp cũng cần trang bị phương tiện, nhân lực để đảm bảo thu gom đủ và đúng thời điểm.

Nông dân cần học tập quản lý, tham gia sản xuất theo kinh tế tập thể, mạnh dạn tham gia hợp đồng, quan tâm và tìm hiểu hết các các điều khoản của hợp đồng. Học tập kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu của công ty.

Nói chung, cần ràng buộc giữa “cần” và “lợi” giữa nông dân và doanh nghiệp một cách lâu dài và hài hòa trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau, cùng chia sẻ quyền lợi và trách nhiệm trên sản phẩm cuối cùng có như thế thì khả năng tham gia cũng như thực thi hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông dân được thực hiện tốt hơn.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy nông dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất khi biết áp dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Nhất là hộ tham gia hợp đồng biết tham gia tổ chức sản xuất lúa tại địa phương và cắt nhiều khâu trung gian khi tiêu thụ lúa trực tiếp với doanh nghiệp.

Hiệu quả tài chính của hộ tham gia hợp đồng hơn hẳn hộ không tham gia hợp đồng khi mà lợi nhuận, hiệu quả đồng vốn và hiệu quả lao động chênh lệch đáng kể. Sự khác biệt này là do năng suất và giá bán của nông hộ tham gia hợp đồng cao hơn hộ chưa tham gia hợp đồng.

Các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia trong hợp đồng tiêu thụ lúa gạo là có tham gia tổ chức sản xuất lúa địa phương, có kinh nghiệm và diện tích đất lúa.

Bài báo phân tích những điểm tích cực trong hợp đồng là giúp nông dân ổn định đầu ra, giá bán cao, nâng cấp chuỗi giá trị, lợi nhuận cao; công ty có vùng nguyên liệu chủ động được chất lượng và số lượng kinh doanh. Bên cạnh đó, tác giả còn nhận ra những hạn chế trong hợp đồng là chưa có sự quan tâm sâu sắc của chính quyền địa phương, nông dân chưa nắm hết điều khoản hợp đồng, sự thực thi hợp đồng chưa tốt và còn có tình trạng phá vỡ hợp đồng. Song song, đề tài đã nêu những lý do chưa tham gia hợp đồng là do diện tích đất nhỏ lẻ, thiếu thông tin, chưa tham gia kinh tế tập thể, thủ tục rườm rà; doanh nghiệp thiếu vốn, thiếu phương tiện.

Nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng tham gia và hiệu quả hợp đồng như sự tham gia và quan tâm của chính quyền địa phương, uy tín của doanh nghiệp,

nâng cao trình độ sản xuất và quản lý của nông dân, hài hòa giữa cần và lợi trong thực thi hợp đồng.

Cần có những nghiên cứu thêm về hiệu quả và khả năng ký hợp đồng giữa doanh nghiệp và nông dân ở với những vụ khác (ngoài Đông Xuân). Nghiên cứu về sự thực thi hợp đồng cũng như hợp đồng bền vững nhằm nâng cao hiệu quả của việc sản xuất lúa theo hợp đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Miyata, S., N. Minot, D. Hu, Impact of contract farming on income: Linking small farmers, packers, and supermarkets in China, World Development 37, 2009.
- [2] Đặng Kim Sơn, Công nghiệp hóa từ nông nghiệp, NXB Nông nghiệp Hà Nội, 2001.
- [3] Jagdish Kumar and Parakash Kumar K., Contract Farming: Problems, Prospects and it Effect on Income and Employment, G.B. Pant University of Agriculture and Technology, Uttarakhand, 2008.
- [4] Trần Quốc Nhân và Đỗ Văn Hoàng, “Sản xuất và tiêu thụ lúa gạo thông qua hợp đồng: Hiện trạng và giải pháp ở tỉnh An Giang”, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, NXB Đại học Cần Thơ, 2013. Số 27(D): 76-83.
- [5] Trần Quốc Nhân, “Phân tích nguyên nhân dẫn đến việc thực thi hợp đồng tiêu thụ nông sản kém giữa nông dân và doanh nghiệp ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học và Phát triển, Số 10(7), 2012, 8 trang: 1069-1077.

(BBT nhận bài: 21/11/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 04/4/2017)